



**Trung tâm Tin học và  
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển  
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến  
lược Phát triển nông nghiệp  
nông thôn**

## **THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 8/2018**

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản trong tháng 8 năm 2018 ước đạt 3,13 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2018 đạt 25,7 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 13,3 tỷ USD, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2017; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 5,5 tỷ USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2017; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 360 triệu USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2017; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,9 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong tháng 8/2018, giá lúa gạo khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu hướng giảm nhẹ, trung bình 100-200 đ/kg so với tháng trước. Thị trường cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua đã tăng trở lại, tạm dừng chuỗi giảm giá liên tiếp kể từ cuối tháng 5/2018.

Giá tiêu trong nước tiếp tục giảm do dự báo nguồn cung hồ tiêu toàn cầu đang dư thừa. Giá cà phê trong nước giảm mạnh theo xu hướng thị trường thế giới. Giá thịt lợn xuất chuồng có dấu hiệu hạ nhiệt trong tháng qua tại hầu hết các tỉnh trên cả nước và được dự báo sẽ khó có thể giảm sâu trong thời gian tới.

### **DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC**

#### **1. Lúa gạo**

Khối lượng gạo xuất khẩu trong tháng 8 năm 2018 ước đạt 441 nghìn tấn với giá trị đạt 209 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 4,4 triệu tấn và đạt kim ngạch 2,2 tỷ USD, tăng 6,8% về khối lượng và tăng 22,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Giá gạo xuất khẩu bình quân các tháng đầu năm 2018 được đánh giá là cao hơn cùng kỳ năm 2017 (giá bình quân 7 tháng là 507 USD/tấn, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2017). Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2018 với 24,7% thị phần. Tuy nhiên, lượng gạo xuất sang Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2018 chỉ đạt 927 nghìn tấn với kim ngạch 491 triệu USD, giảm 32,8% về khối lượng và giảm

---

**Thông tin tham khảo – Các ý kiến đóng góp, góp ý, xin gửi về [thuongmai.cb@mard.gov.vn](mailto:thuongmai.cb@mard.gov.vn)**

21,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Bảy tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Indonesia(tăng 67,5 lần so với cùng kỳ năm 2017), Iraq (tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2017), Philippine(tăng gấp 2 lần), Hồng Kông(tăng 61,3%), Malaysia với (tăng 39,4%), Bờ Biển Ngà (33,5%) và Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (11%).

Trong tháng 7 giá gạo trắng 5% tằm xuất khẩu của Việt Nam tăng nhẹ, đạt trung bình 395 USD/tấn, tăng 2,7% so với tháng trước, thấp hơn giá trung bình gạo cùng loại của Thái Lan (404 USD/ tấn) và Ấn Độ (398 USD/ tấn). Tại ĐBSCL, trong khi nhu cầu thu gom từ các doanh nghiệp chưa cao, lũ lụt liên tiếp khiến chất lượng lúa tươi giảm, nên giá lúa trung bình giảm. Giá lúa tươi IR50405 bình quân 4.850 đồng/kg, giá lúa khô IR50405 bình quân 5.850 đồng/kg, thấp hơn 100 – 200đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước, chỉ có lúa khô giống Jasmine và lúa thơm tăng nhẹ đạt trung bình 6.500 đồng/kg, tăng khoảng 200 đồng/kg so với tháng trước. So với cùng kỳ 2017, giá lúa các loại cao hơn từ 200 – 400 đồng/kg.

Về chủng loại gạo xuất khẩu, xuất khẩu các loại gạo thơm, gạo Jasmine, gạo Japonica và gạo tằm trong tháng 7 tăng mạnh. Trong đó, gạo thơm, gạo Jasmine chiếm 39,7% tổng gạo xuất khẩu, đạt kim ngạch 92,6 triệu USD, tăng 27% so với tháng trước, tăng mạnh ở các thị trường châu Phi như Bờ Biển Ngà, Ghana. Kim ngạch xuất khẩu gạo Japonica đạt 15,6 triệu USD, tăng 66,6%, các thị trường chính là Papua New Guinea và Hàn Quốc. Trong khi đó, xuất khẩu gạo nếp tiếp tục giảm mạnh trong tháng 7, chỉ đạt kim ngạch 9,8 triệu USD (giảm 50% so với tháng 6) do tác động của chính sách tăng thuế nhập khẩu gạo của Trung Quốc. Trong tháng 7/2018, xuất khẩu các loại gạo trắng 15% tằm và 25% tằm sang các thị trường Indonesia, Philippines và Trung Quốc giảm do nhu cầu nhập khẩu giảm. Xuất khẩu gạo trắng 5% tằm vẫn ổn định.

Dự báo xuất khẩu gạo Việt Nam từ nay đến cuối năm sẽ tăng do nhu cầu nhập khẩu của thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Philippines, Indonesia, Iraq và các nước châu Phi tăng lên. Philippines có nhu cầu nhập khẩu thêm 500.000 – 800.000 tấn từ nay đến cuối năm để bổ sung kho dự trữ đang cạn kiệt và ổn định giá gạo trong nước; các doanh nghiệp Trung Quốc vừa qua cũng đã làm việc với các doanh nghiệp ĐBSCL để tìm cơ hội hợp tác trong thương mại gạo, đáp ứng nhu cầu thị trường lớn của nước này. Indonesia và các nước châu Phi cũng có nhu cầu nhập khẩu trong các tháng cuối năm để đối phó với sản xuất suy giảm do bão lũ, Hàn Quốc cũng sẽ mở thầu mua thêm 92.783 tấn gạo lứt hạt trung và dài vào ngày 3/9/2018, giao hàng từ 30/11 đến 31/12/2018. Ngoài ra, sản lượng lúa của Campuchia sụt giảm đáng kể do ảnh hưởng của lũ lụt liên tiếp từ cuối tháng 7 vừa qua có thể khiến xuất khẩu gạo của Campuchia trong các tháng tới giảm sút. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cao cấp của Việt Nam tiếp cận các thị trường nhập khẩu truyền thống của Campuchia như Trung Quốc, châu Âu để cung cấp nguồn thay thế.

Chính phủ vừa thông qua Nghị định 107/2018/NĐ-CP về xuất khẩu gạo (có hiệu lực từ ngày 1/10/2018) thay thế cho Nghị định 109/2010/NĐ-CP. Nghị định 107 đã nói lỏng các quy định về kho chứa, cơ sở xay xát, chế biến lúa gạo cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cũng như đơn giản hóa thủ tục hải quan cho doanh nghiệp xuất

---

**Thông tin tham khảo – Các ý kiến đóng góp, góp ý, xin gửi về [thuongmai.cb@mard.gov.vn](mailto:thuongmai.cb@mard.gov.vn)**

khẩu gạo; với gạo hữu cơ, gạo đỏ, gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng xuất khẩu không cần có giấy chứng nhận, không phải thực hiện dự trữ lưu thông. Chính sách thông thoáng này sẽ tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ mở rộng thị trường mà không cần ủy thác qua doanh nghiệp khác, đẩy mạnh xuất khẩu các loại gạo cao cấp, gạo đặc sản đang có nhu cầu tiêu thụ lớn từ các thị trường như Trung Quốc, châu Âu, châu Phi, Iraq, Cu Ba, các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất.

## 2. Sắn

Xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn trong tháng 8 ước đạt 86 nghìn tấn với kim ngạch 39 triệu USD đưa tổng xuất khẩu sắn 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,67 triệu tấn và 630 triệu USD, giảm 33% về lượng nhưng có kim ngạch tương đương so với cùng kỳ năm 2017 do giá sắn xuất khẩu trong những tháng đầu năm 2018 cao hơn khoảng 48% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 8 tháng đầu năm, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính chiếm tới 87,3% thị phần (giảm 27% về khối lượng nhưng tăng 7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017).

Giá xuất khẩu sắn lát, tinh bột sắn của Việt Nam (FOB) trong tháng 8 đều tăng nhẹ khoảng 5 USD so với tháng trước, đạt tương ứng bình quân 237 USD/tấn, 505 USD/tấn. Giá sắn lát xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường chủ yếu là Trung Quốc tăng nhẹ do ảnh hưởng từ bão số 4 khiến các tàu/đò chở tinh bột sắn từ miền Trung và miền Nam không ra được như dự kiến trong khi tồn kho tại Đông Hưng (Trung Quốc) giảm mạnh, giá tinh bột sắn giao ngay tại Móng Cái tăng lên mức 3450 Nhân dân tệ (NDT)/tấn (tăng 50 NDT/tấn). Tại Lạng Sơn, giá tinh bột sắn cao nhất đạt 3560 NDT/tấn.

Sang tháng 9, do đồng NDT biến động mạnh, cộng với giá sắn và tinh bột thành phẩm tại Tây Ninh không giảm như dự kiến nên các thương nhân giao dịch thận trọng, không đầu cơ như những năm trước. Thị trường sắn lát được dự báo sẽ diễn ra sôi động khi mà nhu cầu sử dụng sắn lát tăng trong tháng 9 do nhiều xưởng chế biến thực phẩm hoạt động trở lại phục vụ cho dịp tết Trung thu. Ngoài ra, sự hoạt động trở lại của các nhà máy cồn và hóa chất tại Trung Quốc cũng là yếu tố tích cực đóng góp và sự sôi động này.

## 3. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả trong tháng 8 năm 2018 ước đạt 346 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 2,7 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 7 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc vẫn đứng đầu với 74% thị phần, giá trị xuất khẩu đạt 1,7 tỷ USD, tăng 12,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường khác có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh so với cùng kỳ là Thái Lan (tăng 38,6% so với cùng kỳ năm 2017), Hoa Kỳ (tăng 19,3%), Hàn Quốc (tăng 18,7%) và Malaysia (tăng 12,9%).

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả trong tháng 8/2018 đạt 224 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2018 đạt 1,15 tỷ USD,

tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 292 triệu USD, tăng 44,8%; mặt hàng quả ước đạt 812 triệu USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2017. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 7 tháng đầu năm 2018 là thị trường Thái Lan (chiếm 44,4% thị phần), Trung Quốc (chiếm 21,3%). Trong 7 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu rau quả ở hầu hết các thị trường chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2017 ngoại trừ thị trường Thái Lan (giảm 20,1%) và thị trường Myanmar (giảm 14,6%). Trong đó, thị trường có giá trị nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất so với cùng kỳ năm ngoái là Hàn Quốc (tăng 2,07 lần), tiếp đến là Hoa Kỳ (tăng 89,5%) và Úc (tăng 73,3%).

Việt Nam là 1 trong 10 thị trường chính cung cấp quả và quả hạch cho Mỹ, chiếm gần 7% thị phần. Xuất khẩu thanh long sang Trung Quốc chững lại do Trung Quốc mở rộng diện tích trồng thanh long.

Mùa vụ nhãn năm nay được đánh giá là “được mùa” với thời điểm tháng 8 là thời điểm thu hoạch. Giá nhãn lồng loại I hiện là 30.000 đ/kg cung cấp cho hệ thống siêu thị, doanh nghiệp trong nước và xuất khẩu, còn giá nhãn bán cho thương lái hái xô chỉ dao động từ 10.000 - 12.000 đ/kg, tùy theo chất lượng nhãn. Đồng thời, tháng qua cũng là thời điểm thu hoạch của vụ na năm 2018, tại tỉnh Lạng Sơn có hơn 3.000 ha trồng na tập trung chủ yếu ở các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng; tổng sản lượng ước đạt 30-32 nghìn tấn quả, giá trị khoảng 1.000 tỷ đồng, giá na trung bình hiện khoảng 40.000 đồng/kg. Trong tháng qua, nhiều vùng trồng cam xoàn nghịch vụ tại một số tỉnh miền Tây được giá với mức giá dao động từ 26.000 - 32.000 đ/kg.

Thị trường rau củ tại Lâm Đồng diễn biến tương đối ổn định và chỉ tăng nhẹ đối với một số loại so với tháng trước mặc dù thời tiết mưa nhiều diễn ra tại một số điểm cung ứng rau. Cụ thể, bắp cải trắng và bắp cải tím tăng lên mức giá tương ứng là 3500 đ/kg và 12.000 đ/kg; hành tây tăng 3.000 đ/kg lên mức giá 10.000 đ/kg. Tình trạng rau quả Trung Quốc trà trộn giả hàng Đà Lạt vẫn tiếp tục xảy ra khiến giá rau quả tại đây không thể khởi sắc.

Dự báo năm nay giá trị xuất khẩu rau quả sẽ đạt trên 4 tỷ USD, tuy nhiên xuất khẩu rau quả của Việt Nam đang có dấu hiệu chững lại. Doanh nghiệp hiện nay phải đối mặt với một loạt các vấn đề về cạnh tranh thị trường, các biện pháp bảo hộ thông qua những hàng rào kỹ thuật khắt khe hơn ở các thị trường nhập khẩu. Do đó cần đẩy mạnh việc phổ biến, tư vấn, đào tạo doanh nghiệp về áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của các thị trường nước ngoài, cùng với đó, khắc phục các tồn tại trong vấn đề ATTP, quy cách bao gói, nhãn hiệu... đối với mặt hàng rau quả.

#### 4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê trong tháng 8/2018 ước đạt 143 nghìn tấn với giá trị đạt 260 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cà phê 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,32 triệu tấn và 2,5 tỷ USD, tăng 15,5% về khối lượng nhưng giảm 2,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 7 tháng đầu năm 2018 đạt 1.921 USD/tấn, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2017. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà

phê lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2018 với thị phần lần lượt là 12,6% và 9,9%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 7 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh là: Indonesia (gấp 8,3 lần), Nga (63,2%) và Philippin (51,5%). Xuất khẩu cà phê sang Indonesia tăng mạnh là do vụ thu hoạch chính của nước này vào thời điểm cuối năm, do đó, để đủ lượng cà phê giao dịch, Indonesia tăng mua vào từ một số thị trường có lượng cà phê dự trữ lớn như Việt Nam. Ngoài ra, Indonesia nhập khẩu cà phê Việt Nam với giá và chất lượng tốt để chế biến cà phê hòa tan, tiêu thụ nội địa, hoặc tái xuất.

Trong tháng 8/2018, thị trường cà phê trong nước biến động giảm mạnh theo xu hướng thị trường thế giới. So với tháng trước, cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 1.300 – 1.600 đ/kg xuống còn 33.000 – 33.800 đ/kg.

Trên thị trường thế giới, theo ICO và Reuters, sản lượng cà phê của Brazil cho niên vụ 2018-19 được dự báo sẽ tăng cao kỷ lục, đạt 60 triệu bao (60 kg/bao) so 45 triệu bao của niên vụ 2017-18 nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và sự hồi phục năng suất cà phê Robusta và Arabica trong chu kỳ hai năm một lần.

Nguồn cung dồi dào trong năm 2017/2018 và triển vọng lạc quan về một vụ mùa lớn trong năm mùa vụ 2018 – 2019 đang gây sức ép giảm giá cà phê trong tháng 8.

## 5. Tiêu

Xuất khẩu hạt tiêu trong tháng 8/2018 ước đạt 20 nghìn tấn, với giá trị đạt 58 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu hạt tiêu 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 173 nghìn tấn và 576 triệu USD, tăng 3,2% về khối lượng nhưng giảm 36% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của hạt tiêu Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là Mỹ (với 99,4 triệu USD, chiếm 19,2%), Ấn Độ (với 43,3 triệu USD, chiếm 8,4%), Pakistan (với 25,1 triệu USD, chiếm 4,8%), Đức (với 20,5 triệu USD, chiếm 4,0%), và Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (với 20 triệu USD, chiếm 3,9%). Khối lượng xuất khẩu sang hầu hết các thị trường đều tăng mạnh trong khi giá trị thì giảm. Cụ thể, trong 7 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ đạt 13,1 nghìn tấn, tăng 3,8 nghìn tấn (tương đương 40,4%); Hoa Kỳ đạt 27,4 nghìn tấn, tăng 2 nghìn tấn (tương đương 7,9%); Pakistan đạt 7,8 nghìn tấn, tăng 1,5 nghìn tấn (tương đương 22,9%) và Đức đạt 5,2 nghìn tấn, tăng 499 tấn (tương đương 10,5%).

Giá xuất khẩu hạt tiêu bình quân 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3.329 USD/tấn, giảm tới 61,9% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân là do giá chào bán xuất khẩu hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng của Việt Nam tiếp tục xu hướng giảm trong tháng 8/2018, cùng chiều với xu hướng giảm chung của hạt tiêu thế giới.

Tại thị trường trong nước, giá thu mua hạt tiêu trong tháng 8/2018 tiếp tục giảm sâu, chạm mức giá thành sản xuất. Tính đến ngày 23/8/2018, giá thu mua hạt tiêu đen giao động ở mức 47.000-48.000 đồng/kg, giảm từ 3.000 - 5.000 đồng/kg so với đầu tháng, và giảm từ 4.000 – 5.000 đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước. Tại mức giá này, có thể nhiều hộ nông dân đã không còn lãi, thậm chí là bị lỗ.

Nhu cầu từ các nước nhập khẩu hạt tiêu còn yếu trong khi nguồn cung từ các nước sản xuất vẫn tiếp tục được bổ sung khi mà Indonesia, Malaysia và Brazil đang trong vụ thu hoạch. Theo đó, giá hạt tiêu Việt Nam cũng như giá hạt tiêu thế giới được dự báo sẽ khó phục hồi trong các tháng cuối năm 2018.

Trong ngắn hạn, nên có các chính sách hỗ trợ trực tiếp về vốn cho các nông dân sản xuất hồ tiêu để các hộ có thể chuyển đổi sang cây trồng khác phù hợp với điều đất đai, khí hậu... của từng vùng, hạn chế tối đa việc nông dân bỏ hoang đất. Thêm vào đó, cần hướng dẫn và đào tạo nông dân sản xuất hồ tiêu theo hướng an toàn, nâng cao chất lượng, tránh tình trạng chỉ chạy theo sản lượng như hiện nay. Về lâu dài, ngành hồ tiêu Việt Nam cần có chiến lược và định hướng cụ thể trong việc phát triển ngành hàng theo hướng bền vững, thông qua việc xây dựng và phát triển chuỗi giá trị hồ tiêu.

## **6. Điều**

Trong tháng 8/2018, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 30 nghìn tấn với giá trị 254 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu điều nhân 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 238 nghìn tấn và với kim ngạch 2,2 tỷ USD, tăng 5,8% về lượng và tăng 0,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trong 7 tháng đầu năm, Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất với thị phần giá trị xuất khẩu lần lượt là 38,6%, 12,6% và 10,3%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu hạt điều sang các thị trường trọng điểm như Hà Lan, Trung Quốc, Anh đều giảm cả về sản lượng và giá trị. Các thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Italia (57,1%), Đức (24,2%), Canada (17,2%), Israen (15,9%) và Hoa Kỳ (12,7%).

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 8/2018 ước đạt 158 nghìn tấn với giá trị đạt 285 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị hạt điều nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2018 đạt 896 nghìn tấn và giá trị đạt 1,81 tỷ USD, giảm 16% về khối lượng và giảm 12,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng hạt điều nhân tháng 8/2018 đạt 8.466 USD/tấn - mức thấp nhất kể từ tháng 12/2016, giảm 429 USD/tấn (tương đương giảm 4,8%) so với tháng 7/2018. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 7/2018, giá xuất khẩu bình quân hạt điều đạt khoảng 9.550 USD/tấn, giảm 3% so với 7 tháng năm 2017. Giá điều nguyên liệu trong nước trong tháng 8/2018 có diễn biến cùng chiều. Tại Bình Phước, giá hạt điều thô giảm hơn 6.000 đồng/kg xuống còn 37.000 đồng/kg. Giá điều thô tại Đồng Nai giảm 2.000 đồng/kg xuống còn 47.000 đồng.

Hiện nguồn cung điều vẫn dồi dào so với nhu cầu dẫn đến giá điều chưa thể tăng trở lại. Tuy nhiên từ nay đến cuối năm, nhu cầu tiêu thụ điều tăng mạnh tại các thị trường chính là yếu tố bù đắp cho việc giá điều giảm. Các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cần tập trung vào khâu chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm để nâng cao giá trị xuất khẩu và giữ vững thị trường trước tình hình thị trường điều còn nhiều khó khăn do giá giảm.

## **7. Cao su**

Xuất khẩu cao su trong tháng 8/2018 đạt 163 nghìn tấn với giá trị đạt 207 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 870

nghìn tấn và 1,2 tỷ USD, tăng 8,2% về khối lượng nhưng giảm 11,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc, Ấn Độ, và Malaysia là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt 63,3%, 5,7% và 3,9%. Các thị trường tăng mạnh cả về lượng và giá trị xuất khẩu cao su trong 7 tháng đầu năm 2018 là Ấn Độ (tăng 46,43% về lượng và 28,88% về giá trị) và Indonesia (tăng 41,03 % về lượng và 17,79% về giá trị). Lũ lụt tại Ấn Độ đã gây thiệt hại lớn đến nguồn cung cao su của nước này. Các nhà chức trách Ấn Độ đều cho rằng sản xuất cao su nội địa sẽ không sớm hồi phục, và các nhà sản xuất lốp xe như MRF, JK Tyre, Apollo Tyres và Ceat sẽ phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu cao su.

Nhập khẩu cao su trong tháng 8/2018 ước đạt 49 nghìn tấn với giá trị đạt 92 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2018 đạt 383 nghìn tấn với giá trị 702 triệu USD, tăng 11,6% về khối lượng nhưng giảm 1,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Năm thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu trong 7 tháng đầu năm 2018 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan và Campuchia chiếm 61,5% thị phần. Trong 7 tháng đầu năm 2018, giá trị cao su ở một số thị trường nhập khẩu chính giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, thị trường có giá trị nhập khẩu giảm mạnh nhất là Nga (giảm 43%), Trung Quốc (giảm 29,2%) và Nhật Bản (giảm 12,4%). Ngược lại, một số thị trường có giá trị nhập khẩu tăng mạnh là Malaixia (tăng 38,1%) và Hoa Kỳ (tăng 15,1%).

Mặc dù được hậu thuẫn bởi yếu tố tồn kho cao su Trung Quốc giảm 3,26% so với cuối tháng 7, tuy nhiên giá xuất khẩu cao su Việt Nam vẫn tiếp tục giảm do nhu cầu thị trường thấp, căng thẳng thương mại Mỹ- Trung cũng góp phần làm giảm nhu cầu cao su của Trung Quốc. Giá cao su xuất khẩu bình quân tháng 8/2018 ước đạt 1.269 USD/tấn giảm 5,7% so với tháng 7/2018. Giá cao su xuất khẩu bình quân 7 tháng đầu năm 2018 đạt 1.427 USD/tấn, giảm 19,2% so với cùng kỳ năm 2017.

Đến giữa tháng 8, giá mủ cao su trong nước cũng có cùng diễn biến giảm. Giá thu mua mủ cao su nước tại Đồng Nai giảm 500 đồng/kg xuống còn 12.500 đồng/kg so với tháng 7.

Việc Ấn Độ tăng mạnh nhập khẩu cao su để đảm bảo nguồn cung nội địa trong thời gian tới có thể hỗ trợ cho giá cao su và thúc đẩy xuất khẩu cao su tự nhiên của các nhà xuất khẩu lớn.

Trung Quốc vẫn là thị trường truyền thống của nước ta, tuy vậy xuất khẩu cao su sang một số nước như Ấn Độ, Indonesia lại có mức tăng nhanh và được giá hơn. Hiện thị trường cao su gặp nhiều khó khăn, để tránh phụ thuộc vào Trung Quốc, các nhà sản xuất, xuất khẩu cao su cần đa dạng hoá mặt hàng cũng như mở rộng thị trường xuất khẩu và tìm kiếm đa dạng bạn hàng.

## **8. Chè**

Xuất khẩu chè trong tháng 8/2018 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 21 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu chè 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 81 nghìn tấn và 133 triệu USD, giảm 10,1% về khối lượng và giảm 7,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của chè Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là

Pakistan (với 37,3 triệu USD, chiếm 33,6%), Đài Loan (với 15,6 triệu USD, chiếm 14,0%), Nga (với 12,8 triệu USD, chiếm 11,5%), Trung Quốc (với 9,5 triệu USD, chiếm 8,5%), Indonesia (với 5,4 triệu USD, chiếm 4,8%) và Mỹ (với 4,3 triệu USD, chiếm 3,8%).

Điểm nhấn của xuất khẩu chè trong 7 tháng đầu năm 2018 là sự tăng trưởng của thị trường Pakistan, với tổng khối lượng tăng là 1,5 nghìn tấn (tương đương 9,7%) so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường có mức tăng trưởng tiếp theo là Đài Loan tăng 457 tấn (tương đương 4,8%), Trung Quốc tăng 400 tấn (tương đương 6,1%), Malaixia tăng 314 tấn (tương đương 16,2%) và Hoa Kỳ tăng 248 tấn (tương đương 7,1%). Tuy nhiên lượng xuất khẩu chè của Việt Nam lại giảm mạnh ở 2 thị trường lớn là Nga giảm 1,3 nghìn tấn (tương đương 13,2%) và Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất giảm gần 2 nghìn tấn (tương đương 60,9%) khiến cho tổng lượng xuất khẩu chè của Việt Nam giảm.

Giá chè xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1.642 USD/tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2017.

Tại thị trường trong nước, giá chè tháng 8/2018 tiếp tục giữ ở mức ổn định. Tại Thái Nguyên, giá là 105.000 đ/kg đối với chè xanh búp khô; 200.000 đ/kg với chè cành chất lượng cao. Tại Lâm Đồng, chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 có giá 9.000 đ/kg và 6.000 đ/kg đối với chè nguyên liệu sản xuất chè đen. Giá chè trong nước được dự báo sẽ tiếp tục giữ ở mức ổn định như hiện tại trong các tháng cuối năm 2018.

Trong bối cảnh xung đột thương mại Mỹ - Trung đang căng thẳng, thì ngày càng xuất hiện nhiều doanh nghiệp Việt Nam nhưng do người Trung Quốc làm chủ, cạnh tranh quyết liệt với các doanh nghiệp chè trong nước trong việc thu mua nguyên liệu. Điều này khiến cho các doanh nghiệp trong nước gặp không ít khó khăn, đặc biệt là trong giai đoạn lượng xuất khẩu đang có xu hướng giảm như hiện nay.

Cần có chính sách hỗ trợ vốn và công nghệ các doanh nghiệp chè trong đầu tư chế biến sâu các sản phẩm chè. Bên cạnh đó, cần có cơ chế thích hợp để ngăn chặn việc các doanh nghiệp Trung Quốc làm giá trên thị trường chè, gây ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp Việt Nam.

## **9. Sản phẩm chăn nuôi**

Trong tháng 8/2018, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp tại một số quốc gia trên thế giới. Tại Pháp, dịch bệnh than nghiêm trọng nhất trong vòng 20 năm qua bùng phát khi thiếu hụt vắc xin phòng bệnh và hiện đã lan ra 28 trang trại ở khu vực miền Đông Nam nước này. Tại Canada, dịch tiêu chảy cấp trên lợn cùng với các lệnh kiểm soát môi trường của chính phủ nước này khiến sản lượng thịt lợn giảm. Trong khi đó, tại Trung Quốc, sự bùng phát của dịch bệnh sốt heo châu Phi (ASF) đã làm dấy lên những lo ngại về nguy cơ ASF sẽ lan rộng ra khắp đàn lợn tại Trung Quốc, cũng như



lan sang các nước khác ở châu Á. Theo Báo cáo của Tổ chức Thú y Thế giới, 615 con lợn của Trung Quốc đã bị nhiễm bệnh và 88 con bị chết, với gần 530 con bị tiêu hủy. Các nhà phân tích cho rằng trong ngắn hạn, các nông dân sản xuất nhỏ sẽ phải bán tháo đàn lợn, đẩy giá thịt lợn giảm. Vì vậy, trong thời gian tới, các cơ quan chức năng của Việt Nam cần kiểm soát chặt các khu vực đường biên giới, đề phòng trường hợp lợn từ Trung Quốc được đưa vào Việt Nam.

Về giá lợn xuất chuồng trong tháng 8/2018 có xu hướng giảm so với tháng trước (bình quân giảm 4-6%). Chi tiết giá lợn hơi tại Hưng Yên giảm 4.000 đ/kg xuống còn 52.000 đ/kg. Tại Hà Nam, thủ phủ nuôi lợn miền Bắc, giá lợn hơi giảm khoảng 4.000 – 5.000 đ/kg xuống 50.000 - 51.000 đ/kg. Tại Bắc Ninh, giá lợn cũng giảm xuống còn 50.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại một số tỉnh như Phú Thọ, Thái Nguyên, Nam Định đồng loạt giảm 5.000 – 7.000 đ/kg, tại Phú Thọ đạt 49.000 đ/kg; Thái Nguyên và Nam Định còn 51.000 đ/kg. Tại Bắc Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, giá lợn đạt khoảng 47.000 - 48.000 đ/kg. Tại miền Trung, Tây Nguyên giá lợn hơi cũng giảm từ 3.000 – 6.000 đ/kg xuống còn 47.000 - 50.000 đ/kg. Dự báo giá thịt lợn trong nước sẽ có xu hướng hạ nhiệt trong một vài tháng tới. Nguyên nhân là khi giá lợn hơi bắt đầu tăng từ tháng 4/2018 và giữ ở mức cao trong 2 tháng gần đây đã khiến các hoạt động đầu tư tái đàn, tăng đàn diễn ra khởi sắc hơn trên cả nước, đặc biệt là một số doanh nghiệp và các trang trại lớn đã cung cấp ra thị trường nguồn cung lợn giống đáp ứng cho nhu cầu của hoạt động sản xuất chăn nuôi. Theo tổng hợp báo cáo của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn, hiện nay đàn lợn nái nuôi tại các doanh nghiệp đã tăng bình quân 11,5% so với cùng kỳ năm 2017. Ngoài ra, khi giá thịt lợn hơi ở mức cao thì một bộ phận người tiêu dùng đã chuyển sang tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi khác như thịt bò, thịt gia cầm hay sản phẩm từ thủy sản nên giảm áp lực đến nguồn cung sản phẩm thịt lợn.

Xuất phát từ áp lực của xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc đang diễn ra thì việc một số mặt hàng như Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu, thịt lợn, thịt bò hoặc sữa được sản xuất, tiêu thụ trong nước có thể đối mặt với nhiều cạnh tranh. Do đó, một số giải pháp trong thời gian tới cho ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn là tiếp tục áp dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học... trong chăn nuôi; hạn chế tăng đàn ồ ạt khi giá tốt vì nếu tăng mạnh làm cho nguồn cung dồi dào giá lợn giống, giá lợn hơi sẽ giảm; tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khẩn trương triển khai các chương trình, dự án đầu tư vào lĩnh vực giết mổ, chế biến tập trung và nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi để tiếp cận yêu cầu của thị trường xuất khẩu, chính sách hỗ trợ kết nối sản xuất chăn nuôi với thị trường tiêu thụ.

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 8 năm 2018 ước đạt 46 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 355

---

**Thông tin tham khảo – Các ý kiến đóng góp, góp ý, xin gửi về [thuongmai.cb@mard.gov.vn](mailto:thuongmai.cb@mard.gov.vn)**

triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2017. Bảy tháng đầu năm 2018, giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm chiếm 17,5 triệu USD, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2017 và chiếm 5,7% thị phần; Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ trâu, bò và lợn đạt 1,9 triệu USD và 24,3 triệu USD, giảm 60,4% và giảm 55,8% so với cùng kỳ năm 2017. Giá trị xuất khẩu phụ phẩm sau giết mổ giảm 1,9%; giá trị sữa và các sản phẩm từ sữa tăng gấp 2,1 lần so với cùng kỳ năm 2017 và thị phần chiếm lần lượt là 54,8% và 22.6%.

Theo số liệu của Tổng cục hải quan trong 7 tháng đầu năm 2018, gần 507,2 nghìn tấn nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi các loại, kim ngạch đạt trên 258,6 triệu USD; tương ứng tăng gần 5,7 lần về sản lượng và hơn 7,7 lần về giá trị kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2017 (lần lượt là 76 nghìn tấn và 29,6 triệu USD giá trị kim ngạch).

Giá trị nhập khẩu chăn nuôi 7 tháng đầu năm 2018 đạt 1,55 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2017, ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 8 năm 2018 đạt 161,67 triệu USD, nâng giá trị nhập khẩu ngành hàng chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2018 đạt 1,71 tỷ USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2017.

## 10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản trong tháng 8 năm 2018 ước đạt 739 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 5,5 tỷ USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường xuất khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2018, chiếm 53,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 7 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017 là Hà Lan (tăng 40,7%), Hồng Kông (tăng 23,3%), Đức (tăng 19,2%), Hàn Quốc (tăng 15%), Anh (tăng 14,9%) và Thái Lan (tăng 12,1%).

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua khá ổn định, tạm dừng chuỗi giảm giá liên liên tiếp kể từ cuối tháng 5/2018. Mức giá cao nhất hiện trong khoảng 26.000 - 27.000 đ/kg (cá loại I) tại các vùng sản xuất như An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp. Nguồn cung cá giống khan hiếm, một phần do dịch bệnh cùng với nhu cầu thả bù hao hụt cao đẩy giá tiếp tục tăng so với tháng trước. Tại Cần Thơ, cá tra giống cỡ 30 con/kg hiện ở mức 45.000-50.000 đ/kg, tăng khoảng 20.000 đ/kg so với tháng trước.

Trong tháng 8/2018, giá tôm sú tại ĐBSCL tương đối ổn định, giá tôm thẻ chân trắng tăng nhẹ. Tại Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Bến Tre giá tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 20-40 dao động 160.000-220.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá tăng 3.000-5.000 đ/kg cho các cỡ từ 50-100 con/kg và đạt 110.000-115.000 đ/kg cho tôm cỡ 50 con/kg, 95.000-105.000 đ/kg cho cỡ 70 con/kg và 80.000-87.000 đ/kg cỡ 100 con/kg.

Giá tôm thẻ giới giảm thấp nên nhiều người nuôi tôm ở các nước Ấn Độ, Thái Lan giảm thả nuôi, sản lượng tôm của Ấn Độ năm 2018 có thể giảm đến 20% so với năm 2017, sản lượng tôm Thái Lan cũng giảm chưa phục hồi sau dịch bệnh sẽ chỉ còn khoảng 300.000 tấn. Trong khi đó, nhu cầu tiêu dùng tôm dịp cuối năm sẽ tăng cao,

nhiều doanh nghiệp chế biến xuất khẩu của Việt Nam đã ký kết được các đơn hàng lớn phục vụ dịp lễ quan trọng cuối năm 2018, triển vọng giá tôm trong thời gian tới sẽ tăng. Đối với cá tra, dự báo từ nay đến cuối năm kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng cao đặc biệt là thị trường Trung Quốc do nhu cầu vào dịp cuối năm của nước này cao.

## **11. Gỗ và sản phẩm gỗ**

Ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ trong tháng 8/2018 ước đạt 696 triệu USD, lũy kế xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2018 ước đạt 5,6 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2017. Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc giữ vững vị trí là các thị trường chính của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2018 sang các thị trường này lần lượt đạt 2 tỷ USD (tăng 13,9%), 643 triệu USD (tăng 3,5%), 621 triệu USD (tăng 6,3%) và 540 triệu USD (tăng 54,6%). Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ sang các thị trường truyền thống giữ ổn định, các doanh nghiệp xuất khẩu đã ký các đơn hàng cho năm nay.

Ước giá trị nhập khẩu của mặt hàng này tháng 8/2018 đạt 191 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 8 tháng đầu năm đạt 1,45 tỷ USD, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 7 tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu ở một số thị trường như Lào và Campuchia giảm mạnh là hệ quả của chính sách cấm xuất khẩu gỗ trong và gỗ xẻ từ rừng trồng cũng như sự cạnh tranh thu mua gỗ nguyên liệu của các nhà chế biến gỗ Trung Quốc. Những nỗ lực của Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam trong việc kiểm soát gỗ nhập khẩu từ Campuchia và Lào thời gian qua, đảm bảo không cho phép nhập khẩu qua đường mòn, lối mở, cửa khẩu phụ, bao gồm (i) Siết chặt quản lý nhập khẩu ở các cửa khẩu đường biên giới với Campuchia; (ii) Phối hợp với cơ quan chức năng Campuchia kiểm soát nhập khẩu và (iii) tăng cường cơ chế kiểm tra giám sát giữa hai bên. Nhập khẩu gỗ từ một số thị trường có nguồn gốc xuất xứ đảm bảo tính hợp pháp cao như Brazil, Chi-lê hay Mỹ đều tăng trưởng tốt phản ánh nhu cầu cao từ các nhà chế biến gỗ nội địa đối với gỗ có nguồn gốc xuất xứ hợp pháp.

Trên thị trường thế giới, diễn biến thương mại không có nhiều thay đổi khi mà căng thẳng thương mại, thiếu hụt nguyên liệu gỗ có tính hợp pháp, tiếp tục là những yếu tố chi phối thị trường gỗ thế giới. Liên quan đến vấn đề đảm bảo nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, một loạt các nhà xuất khẩu gỗ nguyên liệu lớn đã có các biện pháp nhằm đẩy mạnh và nâng cao tính hợp pháp cho nguồn gỗ rừng trồng. Ở Myanmar, Hội đồng chứng chỉ lâm sản Myanmar đã chính thức công bố hệ thống cấp chứng chỉ gỗ vào ngày 8 tháng 8 vừa qua tại Yangon; đây là một nỗ lực nhằm nâng cao tính hợp pháp cũng như tính cạnh tranh của sản phẩm gỗ xuất khẩu dưới sự hỗ trợ của Ủy ban Châu Âu và Tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc (FAO). Brazil, một trong số những nhà xuất khẩu gỗ lớn trên thế giới, mới đây cũng đã kêu gọi rà soát lại chính sách khai thác gỗ của nước này nhằm đảm bảo khai thác gỗ một cách hợp lý. Ngoài ra, Indonesia, nhà xuất khẩu gỗ lớn tại khu vực Đông Nam Á và là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Việt Nam tại các thị trường như Trung Quốc, EU, Nhật Bản, cũng đã hoàn thành việc đàm phán các Hiệp định đối tác tự nguyện về Tăng cường thực thi Lâm luật (VPA-FLEGT) với EU.

Trong năm 2017, Việt Nam đã hoàn tất đàm phán VPA-FLEGT, tuy nhiên, cho đến nay, Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đầu triển khai VPA-FLEGT. Trước hết, cần học hỏi kinh nghiệm thành công của các nước đi trước trong việc thực thi hiệp định này. Ví dụ như kinh nghiệm thực thi của Indonesia, một nước có nhiều điểm tương đồng về các sản phẩm gỗ nhiệt đới xuất khẩu với Việt Nam. Song hành cùng các biện pháp đảm bảo nguồn cung gỗ nguyên liệu trong ngắn hạn như duy trì và đa dạng hóa nguồn gỗ nhập khẩu, tiếp cận nguồn nguyên liệu từ các thị trường ít rủi ro; Việt Nam cần chú trọng đến các giải pháp dài hạn về phát triển rừng gỗ lớn, đảm bảo nguồn cung trong nước cũng như tích cực đẩy mạnh cấp chứng chỉ rừng.

## NHẬN XÉT CHUNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Lúa gạo:** Mặc dù xuất khẩu gạo trong các tháng tiếp theo được dự báo sẽ có nhiều cơ hội do nhu cầu nhập khẩu các nước tăng. Tuy nhiên, ngành gạo cũng sẽ phải cạnh tranh về giá từ các đối thủ Thái Lan, Ấn Độ khi giá xuất khẩu của các nước này liên tục giảm do đồng baht và đồng Rupee suy yếu so với đồng USD. Ngoài ra, gạo Việt Nam còn gặp phải cạnh tranh với Ấn Độ và Thái Lan về chất lượng và phương thức phân phối vào thị trường lớn như Trung Quốc khi đã có 19 doanh nghiệp Ấn Độ chính thức được chấp thuận xuất khẩu gạo không phải là gạo basmati sang nước này và Thái Lan đã ký thỏa thuận cung cấp 10.000 tấn gạo cao cấp sang thị trường này thông qua kênh thương mại điện tử. Với điều kiện xuất khẩu đã được nới lỏng thông qua Nghị định mới, các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần nắm bắt cơ hội để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.
- **Rau quả:** Trong các tháng cuối năm, xuất khẩu rau quả có thể sẽ khó khăn hơn về nguồn cung bị ảnh hưởng bởi mùa mưa bão đang tới. Ngoài ra, trong nước đang vào vụ thu hoạch của một số loại trái cây như: Nhãn (Hưng Yên), Na (Lạng Sơn) cần chú ý các hoạt động xúc tiến thương mại, giúp các địa phương tiêu thụ hết các sản phẩm, tránh tình trạng giá giảm sâu gây thiệt hại cho nông dân.
- **Cà phê:** Thời gian tới, giá cà phê chịu áp lực giảm giá do nguồn cung toàn cầu dự báo ở mức cao và nhu cầu chưa có nhiều cải thiện. Doanh nghiệp và người dân cần thận trọng trong việc dự trữ trong bối cảnh dự báo giá cà phê chịu áp lực giảm giá.
- **Chè:** Để thúc đẩy sự phát triển của ngành hàng chè, bên cạnh việc nâng cao chất lượng chè thì ngành hàng chè cần có biện pháp khuyến khích tăng tiêu dùng chè trong nước, đặc biệt là trong bối cảnh lượng xuất khẩu đang có xu hướng giảm như hiện nay. Đồng thời, cũng cần đa dạng hóa các sản phẩm vào các phân khúc như chè hữu cơ, chè đặc sản để nâng cao giá trị gia tăng cho chè.
- **Tiêu:** Trong ngắn hạn, nên có các chính sách hỗ trợ trực tiếp về vốn cho các nông dân sản xuất hồ tiêu để các hộ có thể chuyển đổi sang cây trồng khác phù hợp với điều đất đai, khí hậu... của từng vùng, hạn chế tối đa việc bỏ hoang đất. Thêm vào đó, cần có cán bộ hướng dẫn và đào tạo nông dân sản xuất hồ tiêu

theo hướng an toàn, nâng cao chất lượng, tránh tình trạng chỉ chạy theo sản lượng như hiện nay. Về lâu dài, ngành hồ tiêu Việt Nam cần có chiến lược và định hướng cụ thể trong việc phát triển theo hướng bền vững, thông qua việc xây dựng và phát triển chuỗi giá trị hồ tiêu.

- **Điều:** Nhu cầu tiêu thụ điều tăng mạnh tại các thị trường chính là yếu tố bù đắp cho việc giá điều giảm. Các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cần tập trung vào khâu chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm để nâng cao giá trị xuất khẩu và giữ vững thị trường trước tình hình thị trường điều còn nhiều khó khăn do giá giảm. Doanh nghiệp cần nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của các nước nhập khẩu lớn, đặc biệt quan tâm đến những tiêu chuẩn về dư lượng thuốc BVTV, nâng cao giá trị sản phẩm thông qua tạo vùng nguyên liệu chất lượng cao, tập trung chế biến sâu sản phẩm để tăng cạnh tranh trên thị trường thế giới.
- **Cao su:** Để tránh phụ thuộc vào Trung Quốc, các nhà sản xuất, xuất khẩu cao su cần đa dạng hoá mặt hàng cũng như mở rộng thị trường xuất khẩu và đa dạng hóa bán hàng, đặc biệt là một số thị trường có tăng trưởng tốt như Ấn Độ.
- **Chăn nuôi:** Giá thịt lợn hơi biến động tăng mạnh có thời điểm đạt mức 57.000đ/kg. Tuy nhiên, cuối tháng 8 giá đã giảm ở hầu hết các thị trường do các doanh nghiệp tiếp tục tăng nhập khẩu từ các nước. Dự báo giá thịt lợn sẽ ổn định và giảm thêm trong tháng tới khi các doanh nghiệp tiếp tục nhập khẩu thịt lợn từ Mỹ, Úc.
- **Thủy sản:** Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội trong tháng tới khi Ấn Độ, Thái Lan giảm thả nuôi. Sản lượng tôm của Ấn Độ có thể giảm đến 20% so với năm 2017, sản lượng tôm Thái Lan cũng sẽ chỉ còn khoảng 300.000 tấn trong khi đó nhu cầu tiêu thụ dịp cuối năm tăng cao, nhiều doanh nghiệp chế biến xuất khẩu của Việt Nam đã ký kết được các đơn hàng lớn phục vụ các dịp lễ quan trọng cuối năm. Do vậy, các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp thủy sản cần có các biện pháp tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng, an toàn dịch bệnh và tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ các thị trường này.
- **Gỗ:** các cơ quan quản lý cần trao đổi kinh nghiệm thành công của các nước đi trước trong việc thực thi hiệp định VPA-FLEGT, đẩy mạnh thực thi hiệp định này. Duy trì và đa dạng hóa nguồn gỗ nhập khẩu, tiếp cận nguồn nguyên liệu từ các thị trường ít rủi ro trong ngắn hạn và phát triển rừng gỗ lớn, đảm bảo nguồn cung trong nước một cách dài hạn. Các doanh nghiệp nên tiếp cận với các chính sách mới sắp được ban hành bao gồm Luật Lâm nghiệp (đã ban hành và sẽ có hiệu lực từ 1/1/2019) cùng 04 nghị định và các thông tư hướng dẫn trong việc thực thi Luật Lâm nghiệp mới (đang được lấy ý kiến rộng rãi) để sớm có những chuẩn bị cần thiết, phù hợp với những thay đổi trong quy định của Luật.

-----